



ĐÀO TẠO KẾ TOÁN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HỘI TỤ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) VÀ CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS)

Trịnh Thị Hợp¹

¹Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 20/08/2019

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
30/03/2020

Ngày chấp nhận đăng:
01/2021

Title:

Accounting training at
Vietnamese universities in the
convergence phase of Vietnam
Accounting Standards (VAS)
and International Financial
Reporting Standards (IFRS)

Keywords:

Universities, Accounting
Training, Convergence, VAS,
IFRS

Từ khóa:

Các trường đại học,
đào tạo kế toán, hội tụ, VAS,
IFRS

ABSTRACT

The project of “Applying International Financial Reporting Standards (IFRS) to Vietnam” was officially launched in March 2019 by the Ministry of Finance. Consequently, Vietnam Accounting Standards (VAS) need to be imminently revised or renewed with IFRS-oriented approach. Modification of the legal framework for accounting will definitely lead to the changes in social needs for human resource in this sector. Apparently, education institutions also need to make adjustment to meet this demand. However, those changes cannot be instantly implemented but call for a detailed implementation roadmap to overcome obstacles and timely match the requirements of the contemporary period. This paper aims at (1) synthesizing previous studies and systematically reviewing the current situation of accounting training in Vietnam’s universities, and (2) analyzing, evaluating the situation and formulating recommendations on how to surmount the difficulties in accounting training to meet the demand of the new period of convergence between VAS and IFRS.

TÓM TẮT

Tháng 3/2019 Bộ Tài Chính đã chính thức ban hành Đề án “Áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào Việt Nam”. Trong tương lai gần, Chuẩn mực kế toán Việt Nam sẽ phải ban hành lại, ban hành mới theo hướng hội tụ với IFRS. Khi khung pháp lý về kế toán thay đổi, nhu cầu xã hội về nguồn lực kế toán cũng phải thay đổi, đương nhiên các cơ sở giáo dục cũng phải thay đổi để đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, việc thay đổi không hề đơn giản, cũng không phải ngày một ngày hai, mà cũng cần phải có lộ trình để từng bước tháo gỡ khó khăn và sớm bắt kịp với yêu cầu trong giai đoạn mới. Bài viết này tác giả trình bày 2 vấn đề lớn: (1) Tác giả tổng hợp từ các nghiên cứu trước và trình bày có hệ thống lại thực trạng trong công tác đào tạo kế toán ở các trường đại học tại Việt Nam hiện nay; (2) Trên cơ sở các thực trạng đã trình bày, tác giả phân tích, đánh giá và đưa ra các khuyến nghị nhằm tháo gỡ những khó khăn cho các trường đại học tại Việt Nam trong đào tạo kế toán nhằm đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn mới - giai đoạn hội tụ VAS và IFRS.

1. GIỚI THIỆU

Toàn cầu hóa thúc đẩy sự hội tụ và giảm thiểu sự khác biệt trong nhiều khía cạnh, trong đó có sự hội tụ của chuẩn mực kế toán, kiểm toán. Thực tế cho thấy, Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) đang ngày càng được thừa nhận rộng rãi. Theo tài liệu của Ủy Ban chuẩn mực kế toán quốc tế, tính đến hết năm 2016 đã có 131/143 quốc gia và vùng lãnh thổ áp dụng IFRS theo các hình thức khác nhau. Trong đó có 119/143 quốc gia và vùng lãnh thổ yêu cầu bắt buộc áp dụng IFRS đối với tất cả hoặc hầu hết các công ty đại chúng trong nước (Vụ chế độ kế toán và kiểm toán và Bộ Tài Chính, 2017).

Tại Việt Nam, để có thể bắt kịp với xu thế chung đó thì Bộ Tài Chính, các tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán, các trường ĐH đã liên tiếp tổ chức các cuộc hội thảo trao đổi ý kiến về việc có nên áp dụng IFRS tại Việt Nam hay không và nếu có thì lộ trình như thế nào?... Sau nhiều nỗ lực đó thì đến tháng 3/2019, Bộ Tài Chính đã chính thức ban hành Đề án “Áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào Việt Nam”. Theo định hướng của Bộ Tài chính, dự kiến từ 2019-2021 là thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết triển khai thực hiện Đề án và năm 2022 sẽ chính thức áp dụng IFRS.

Thực tế cho thấy việc tiến tới áp dụng IFRS tại Việt Nam phải được đi cùng với công tác đào tạo kế toán – một vấn đề được coi là chìa khóa cho sự thành công trong quá trình hội tụ VAS với IFRS. Do đó, rất cần thiết phải thay đổi trong công tác đào tạo kế toán theo hướng tiếp cận IFRS tại các trường đại học ở Việt Nam hiện nay. Vậy câu hỏi đặt ra là thực trạng đào tạo kế toán tại các trường đại học ở Việt Nam hiện nay như thế nào? Cần có những giải pháp gì để giúp các trường đại học tại Việt Nam tháo gỡ khó khăn trong đào tạo kế toán giai đoạn triển khai IFRS?

Bằng phương pháp nghiên cứu định tính, trong những phần tiếp theo của bài nghiên cứu này, tác giả xin được làm rõ hơn cho 2 câu hỏi trên. Cụ thể, trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương

pháp nghiên cứu chủ yếu là tổng hợp, phân tích, suy luận logic; dữ liệu được tác giả thu thập chủ yếu là dữ liệu thứ cấp từ các tạp chí, kỷ yếu hội thảo, văn bản pháp luật về kế toán...

Mô hình nghiên cứu được tác giả tóm tắt qua các bước sau:

Bước 1: Tổng hợp thực trạng đào tạo kế toán tại các trường đại học ở Việt Nam hiện nay từ nhiều nghiên cứu trước đây, tìm ra các thực trạng được đồng thuận của nhiều tác giả.

Bước 2: Chọn lọc, sắp xếp và trình bày một cách hệ thống thực trạng theo các nhóm yếu tố chủ yếu: Chương trình đào tạo; giáo trình tài liệu giảng dạy; đội ngũ giảng viên; phương pháp giảng dạy; phương pháp đánh giá.

Bước 3: Từ các thực trạng, tác giả nhận diện và phân tích các tồn tại và khó khăn trong đào tạo kế toán ở các trường đại học Việt Nam hiện nay, nhất là khi triển khai IFRS.

Bước 4: Trên cơ sở các tồn tại và khó khăn đã nêu ra, bằng nhận thức và kinh nghiệm giảng dạy, tác giả đã suy luận logic đề xuất các giải pháp để khắc phục.

2. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO KẾ TOÁN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1 Thực trạng chung

Cho đến thời điểm tháng 10/2016, theo thống kê của Bộ Giáo dục và đào tạo, nước ta có khoảng 553 cơ sở đào tạo, trong đó có 203 trường đại học và học viện, 208 trường cao đẳng và 142 trường trung học chuyên nghiệp. Trong tổng số các cơ sở đào tạo này thì có trên 50% đăng ký đào tạo ngành kế toán với nhiều chuyên ngành khác nhau như: kế toán doanh nghiệp, kế toán kiểm toán... Ngay cả những trường có thế mạnh chủ yếu là đào tạo các khối ngành về kỹ thuật, công nghệ, sức khỏe cũng tham gia đào tạo mã ngành kế toán, đặc biệt là các trường đại học, cao đẳng thuộc khối ngoài công lập. Kết quả của quá trình đào tạo này đã làm cho kế toán trở thành một trong những ngành có nguồn cung về lao động dồi dào nhất

trong số các ngành nghề phổ biến hiện nay (Đào Thị Đài Trang, 2018).

Theo thống kê của Sở Lao động Thương binh và Xã hội thì ngành Kế toán - Kiểm toán là ngành có nhu cầu tìm việc cao nhất năm 2017 và cao thứ 3 năm 2018 trong số 10 ngành được lựa chọn khảo sát. Đồng thời ngành Kế toán - Kiểm toán cũng là ngành có nhu cầu tuyển dụng cao thứ 7 năm 2017 và cao thứ 4 năm 2018 trong số 10 ngành được lựa chọn khảo sát. Điều này cho thấy thực trạng đào tạo ngành kế toán đang dư về số lượng nhưng thiếu về chất lượng, nên mặc dù số lượng sinh viên có nhu cầu tìm việc cao nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng.

Theo thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp tuyển dụng nhân sự cho bộ phận kế toán có đến 80% – 90% những sinh viên được tuyển dụng chưa có khả năng tiếp cận ngay được với công việc của một “kế toán” thực sự. Khảo sát sinh viên tốt nghiệp từ các cơ sở đào tạo, từ các trường Đại học Kế toán - Kiểm toán lớn và có uy tín của Việt Nam cho thấy có tới 2/3 trả lời chưa thể nắm bắt được công việc kế toán hay kiểm toán ngay khi được giao mà phải được đào tạo, hướng dẫn lại (Phan Thanh Hải & Nguyễn Phi Sơn, 2016).

Như vậy rõ ràng trong công tác đào tạo kế toán ở các cơ sở đào tạo mà chủ yếu là các trường đại học tại Việt Nam hiện nay đang còn nhiều bất cập mà chúng ta cần phải tìm cách khắc phục. Những bất cập đó là gì thì tác giả sẽ trình bày ở những nội dung tiếp theo trong phần này. Trên cơ sở tổng hợp nhiều nghiên cứu trong nước, ngoài phần thực trạng chung thì tác giả còn trình bày thực trạng công tác đào tạo kế toán ở các trường đại học tại Việt Nam hiện nay qua các phần cơ bản khác sau: Chương trình đào tạo, giáo trình tài liệu giảng dạy, đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá.

2.2 Chương trình đào tạo

Hiện nay chương trình đào tạo (CTĐT) kế toán tại các trường đại học ở Việt Nam rất đa dạng. Do sự khác biệt nhiều yếu tố như chất lượng đầu vào, chuẩn đầu ra, chiến lược phát triển... nên các

trường chủ động thiết kế CTĐT riêng để phù hợp với điều kiện thực tế của mình nhất. Tuy nhiên, với xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng thì nhiều trường đại học tại Việt Nam đã tham khảo các CTĐT kế toán nước ngoài, nhiều trường đã và đang phát triển các CTĐT kế toán có yếu tố nước ngoài như: chương trình tiên tiến, chất lượng cao, liên kết 2+2, liên kết 3+1, tích hợp nội dung của một số môn học trong chương trình đào tạo của các tổ chức nghề nghiệp quốc tế như ACCA, CPA, CIMA... (Nguyễn Hữu Ánh, 2017). Trong CTĐT nhiều trường đã đưa môn học kế toán quốc tế hoặc kế toán Mỹ vào giảng dạy, trong đó một số trường đã giảng dạy môn này dưới dạng các chuẩn mực kế toán quốc tế IAS/IFRS nhưng mức độ tiếp cận khác nhau. Cụ thể như ĐH Kinh tế TP.HCM, ĐH Kinh tế Luật, Đại học Mở TP.HCM, ĐH Tài chính Marketing TP.HCM, ĐH Kinh tế Quốc dân... (Nguyễn Xuân Hưng, 2017). Với những nỗ lực đó đã giúp một số trường đại học trong nước nâng cao uy tín, chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh cho sinh viên ngành kế toán, kiểm toán trong nước và trong khu vực. Đặc biệt việc đưa môn học Kế toán Quốc tế hoặc Kế toán Mỹ vào giảng dạy là tiền đề giúp các trường triển khai nội dung IFRS vào giảng dạy được thuận lợi hơn.

Bên cạnh những nỗ lực tích cực đó thì CTĐT ngành Kế toán của đa số các trường đại học tại Việt Nam còn khá nhiều tồn tại. Cụ thể như: CTĐT nặng lý thuyết, thời lượng thực hành còn quá ít, hầu như sinh viên chỉ được thực tập, thực tế năm cuối để hoàn thành đề tài tốt nghiệp. Hơn nữa do nguyên tắc bảo mật thông tin nên các doanh nghiệp hạn chế cung cấp thông tin kế toán và càng hạn chế cho sinh viên thực tập thực hành nghề nghiệp có tính chuyên môn. Việc thực tập, thực tế chỉ dừng lại ở việc sinh viên thu thập dữ liệu kế toán để đánh giá, phân tích là chính mà chưa được trải nghiệm thực sự công việc của một kế toán viên, có chăng chỉ được trải nghiệm các công việc văn phòng đơn giản như: photo, in ấn, sắp xếp tài liệu. Ngoài ra, CTĐT nhiều môn học còn bị trùng lặp về nội dung hoặc giữa các môn

học sắp xếp chưa theo độ khó của bậc thang kiến thức nên đã ảnh hưởng tới quá trình đào tạo (Nguyễn Hữu Ánh, 2017). Số lượng các trường đại học đưa nội dung IFRS vào giảng dạy còn rất ít, các trường có đưa vào giảng dạy thì mức độ tiếp cận còn hạn chế (Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán và Bộ Tài Chính, 2017), đây thực sự là một trong những khó khăn lớn trong việc triển khai IFRS tại Việt Nam hiện nay.

2.3 *Giáo trình, tài liệu giảng dạy*

Hiện nay, hầu hết sách giáo trình, tài liệu chuyên ngành kế toán đều được soạn thảo dựa theo chế độ kế toán và các thông tư hướng dẫn do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, nội dung giáo trình, tài liệu thường tập trung chủ yếu vào kỹ thuật định khoản Nợ - Có cho từng nghiệp vụ phát sinh, chưa chú trọng đến nội dung chuẩn mực kế toán nên còn mang nặng tính học thuộc, rập khuôn, chưa phát huy được khả năng tư duy, suy luận và xét đoán nghề nghiệp của người học. Nội dung giáo trình, tài liệu cũng còn hạn chế tình huống thực tiễn, điều này dẫn đến sinh viên ra trường chậm thích ứng với công việc và môi trường thực tế rất đa dạng và phức tạp.

Bên cạnh đó, do giáo trình và tài liệu chuyên ngành Kế toán được viết dựa trên chế độ kế toán nên không có sự phong phú trong tài liệu phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu. Các tài liệu của một môn học giữa các tác giả hầu như nội dung gần giống nhau, có khác cũng chỉ là sắp xếp chặt tưng các nội dung khác nhau, cho các ví dụ nghiệp vụ phát sinh khác nhau. Việc xuất bản sách cũng tập trung ở một số ít trường đầu ngành như ĐH Kinh tế TP.HCM, ĐH Kinh tế quốc dân, học viện tài chính... còn các trường ĐH địa phương đa phần sử dụng sách của các trường đầu ngành trên để sử dụng cho giảng dạy và nghiên cứu. Các tài liệu nước ngoài chuyên ngành kế toán còn khan hiếm, đặc biệt là tài liệu liên quan đến IFRS hiện nay ở các trường ĐH Việt Nam nói riêng và các nước không sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh là ngôn ngữ chính đang thiếu hụt nghiêm trọng (Nguyễn Thị

Thu Hiền, Phạm Tú Anh & Trần Thị Quỳnh Hương, 2017).

2.4 *Đội ngũ giảng viên và phương pháp giảng dạy, đánh giá*

Đội ngũ giảng viên: Nhìn chung về đội ngũ giảng viên kế toán tại các trường đại học đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên, được đào tạo bài bản, đảm bảo chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức chuyên ngành nhưng còn thiếu kinh nghiệm thực tế. Vì thế, việc đưa các tình huống thực tiễn vào giảng dạy ít nhiều bị hạn chế (Nguyễn Hữu Ánh, 2017). Ngoài ra, đa số giảng viên còn hạn chế về trình độ Anh ngữ nên việc sử dụng các tài liệu nước ngoài cho nghiên cứu giảng dạy còn gặp nhiều khó khăn trong đó có IFRS (Nguyễn Hữu Ánh, 2017; Nguyễn Xuân Hưng, 2017).

Về phương pháp giảng dạy: Hiện nay, hầu hết các trường đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ, theo đó phương pháp dạy là lấy người học làm trung tâm. Tuy nhiên, hầu như phương pháp này chưa được thể hiện đúng bản chất, thay vào đó phương pháp truyền đạt kiến thức một chiều kiểu thầy giảng trò nghe và ghi chép vẫn chiếm phần lớn. Các buổi thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, bài tập nhóm vẫn còn khá hạn chế. Vì thế các kỹ năng mềm chưa được trang bị đầy đủ cho sinh viên như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian (Nguyễn Hữu Ánh, 2017).

Bên cạnh đó, cho đến nay việc đào tạo kế toán tại các trường ĐH ở Việt Nam vẫn đang thực hiện theo hướng luật hóa (rule-based). Như phần giáo trình tài liệu giảng dạy tác giả có đề cập, việc giảng dạy các môn chuyên ngành kế toán tại các trường đại học của Việt Nam hiện nay chủ yếu bám sát vào chế độ kế toán hiện hành cụ thể là TT 200/2014/TT-BTC, TT 133/2016/TT-BTC và TT 132/2018/TT-BTC, với sự nhấn mạnh vào các bút toán Nợ- Có của từng nghiệp vụ phát sinh cụ thể. Tuy rằng việc ban hành các thông tư này đã thể hiện sự nỗ lực của các nhà ban hành luật, là một bước tiến lớn của chế độ kế toán Việt Nam trong việc tiệm cận với IFRS khi đã nhấn mạnh đến việc

ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế dựa trên việc tôn trọng nguyên tắc “bản chất quan trọng hơn hình thức”, nhưng việc đưa ra các phân tích nghiệp vụ dựa trên các nguyên tắc (principle-based) theo tinh thần IFRS chưa thực sự được chú trọng đúng mực (Nguyễn Thị Thu Hiền, Phạm Tú Anh & Trần Thị Quỳnh Hương, 2017).

Về phương pháp đánh giá: Hiện nay, hầu hết các trường đã bỏ cách đánh giá cũ trước đây là chỉ dựa vào kết quả thi cuối kỳ, thay vào đó kết quả điểm hết môn của sinh viên được tính dựa trên nhiều điểm thành phần: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ. Trong đó, kiểm tra và thi được thực hiện bằng nhiều hình thức như viết (tự luận, trắc nghiệm), thuyết trình, báo cáo (cá nhân, nhóm)... Tuy nhiên, phương thức đánh giá này mới chỉ dựa vào tiêu chí điểm số định lượng mà thiếu tiêu chí định tính của cơ quan đảm bảo chất lượng Anh (QAA, UK) mà nhiều trường ĐH trên thế giới đang áp dụng (Nguyễn Hữu Ánh, 2017). Hơn nữa, do chương trình học còn nặng lý thuyết, phương pháp dạy

học còn kiểu thầy giảng trò nghe, ghi chép và học thuộc, nên việc làm các bài kiểm tra đánh giá còn mang nặng tính rập khuôn, máy móc, chưa phát huy được khả năng tư duy sáng tạo của người học. Việc làm các bài kiểm tra và thi chủ yếu là làm trên giấy, với quy mô lớp học đông và chưa có công cụ hỗ trợ giám sát, nên giảng viên khó kiểm soát hết tình trạng gian lận của sinh viên nên không tránh khỏi có nhiều trường hợp kết quả đánh giá còn chưa phản ánh đúng thực lực của sinh viên.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THÁO GỠ KHÓ KHĂN CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM TRONG ĐÀO TẠO KẾ TOÁN GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN IFRS

Từ những thực trạng mà tác giả đã tổng hợp từ nhiều nghiên cứu và trình bày ở trên, qua đó tác giả nhận diện những khó khăn nổi cộm trong công tác đào tạo kế toán tại các trường đại học ở Việt Nam hiện nay và tóm lược lại trong bảng sau:

Yếu tố xem xét	Khó khăn chủ yếu
Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Số trường đưa nội dung IFRS vào giảng dạy còn rất ít. - CTĐT còn nặng lý thuyết. - Trong CTĐT còn nhiều môn học có nội dung trùng lặp. - Thời lượng thực hành, thực tập, thực tế còn ít; hiệu quả thực hành thực tập chưa cao.
Giáo trình tài liệu giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu kế toán thiếu phong phú về nội dung. - Khan hiếm tài liệu chuyên ngành kế toán nước ngoài, đặc biệt về IFRS.
Đội ngũ giảng viên	<ul style="list-style-type: none"> - Ít kinh nghiệm thực tế. - Hạn chế trình độ ngoại ngữ.
Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Còn nặng tính truyền thống thầy giảng trò nghe. - Còn hạn chế các buổi thảo luận, thuyết

trình, tổ chức nhóm.

- Phương pháp dạy các môn kế toán chủ yếu bám sát chế độ kế toán, ít giải quyết tình huống cụ thể, chưa chú trọng giảng dạy nguyên tắc, chưa phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo của sinh viên.

Phương pháp đánh giá

- Nội dung các bài đánh giá còn mang nặng tính rập khuôn, máy móc, ít đưa tình huống thực tế vào.

- Việc kiểm soát tình trạng gian lận của sinh viên trong kiểm tra thi cử còn khó khăn.

Trên cơ sở những khó khăn nêu trên, bằng nhận thức và kinh nghiệm giảng dạy hơn 10 năm của bản thân, tác giả suy luận logic và đưa ra các giải pháp khắc phục những khó khăn và tồn tại đã nêu như sau:

Thứ nhất về chương trình đào tạo:

Các trường đại học đầu ngành trong nước nên là những “cánh chim đầu đàn” trong việc tham chiếu CTĐT kế toán tại các trường ĐH ở các nước phát triển trên thế giới đã áp dụng IFRS và các tổ chức nghề nghiệp uy tín để hội tụ cao nhất nội dung chương trình đào tạo với các trường, các tổ chức này. Các trường đại học địa phương còn nhiều hạn chế về nguồn lực thì việc xây dựng CTĐT cũng cần tham khảo, học tập các trường ĐH đầu ngành trong nước để từng bước chuyển đổi theo xu hướng hội nhập. Đặc biệt là việc đưa nội dung IFRS vào giảng dạy nên học tập các trường đã tiên phong thực hiện, tiêu biểu như ĐH Kinh tế TP.HCM với hàm lượng nội dung IFRS được đưa vào giảng dạy trong môn Kế toán quốc tế nhiều nhất (Nguyễn Xuân Hưng, 2017).

Cụ thể hơn, các trường cần rà soát, đánh giá CTĐT để giảm thời lượng những môn học nặng lý thuyết, tăng thời lượng các môn thực hành. Rà soát, đánh giá đề cương chi tiết để giảm nội dung lý thuyết và tăng tình huống thực tế; đối chiếu giữa các đề cương chi tiết để loại bỏ các kiến thức bị trùng lặp; sắp xếp các môn học theo trình tự tăng dần độ khó. Đối với việc đưa nội dung IFRS

vào giảng dạy nên được thực hiện từng bước với mức độ tiếp cận được nâng cao dần qua các năm để bản thân các giảng viên cũng cần có thời gian để nghiên cứu, biên soạn tài liệu. Việc đánh giá CTĐT và đề cương chi tiết nên mời các chuyên gia là giảng viên ngoài trường có học hàm học vị cao; các kế toán viên, kiểm toán viên có bề dày kinh nghiệm đang làm việc tại các doanh nghiệp để việc đánh giá được khách quan và đảm bảo chương trình đào tạo đáp ứng được với yêu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, các trường nên giảm thời gian đi thực tập, thực tế tại các doanh nghiệp thay vào đó là xây dựng phòng kế toán mô phỏng để sinh viên có cơ hội thực hành nghề nghiệp mà việc đi thực tập gần như không được tiếp cận như: lập chứng từ, lập báo cáo tài chính và rèn luyện các kỹ năng ứng dụng nghề nghiệp như kỹ năng sử dụng các thiết bị văn phòng, phần mềm kế toán... Mô hình phòng kế toán mô phỏng hiện nay đã được một số trường áp dụng điển hình như ĐH Bình Dương.

Thứ hai về tài liệu giảng dạy, nghiên cứu:

Các tài liệu giảng dạy thay vì biên soạn dựa trên cơ sở bám sát chế độ kế toán thì nên biên soạn dựa trên cơ sở bám sát chuẩn mực kế toán. Vì chế độ kế toán được trình bày rất cụ thể cho từng nghiệp vụ phát sinh, như vậy người học chỉ cần đọc chế độ kế toán là có thể nắm được phương pháp hạch toán cho từng nghiệp vụ. Nhưng chuẩn mực kế toán mang tính hướng dẫn chung, tôn

trọng bản chất hơn nên khi soạn tài liệu dựa trên chuẩn mực giúp người học phát huy khả năng tư duy, sáng tạo, tăng khả năng xét đoán nghề nghiệp nên có thể giải quyết tình huống trong thực tế tốt hơn.

Các tài liệu tham khảo các trường nên bổ sung thêm các đầu sách nước ngoài viết bằng tiếng Anh vào kho tàng Thư viện. Để giảng viên và sinh viên có nhu cầu và có cơ hội mở rộng kiến thức và rèn

luyện thêm về ngoại ngữ. Tổ chức các buổi tập huấn cho giảng viên và sinh viên khai thác dữ liệu mở trên internet. Đối với tài liệu IFRS, để khắc phục tình trạng khan hiếm tài liệu thì việc khai thác trên các website là rất cần thiết. Theo đó, một số trang web tiêu biểu có thể khai thác tài liệu kế toán nói chung và tài liệu IFRS nói riêng điển hình như sau:

1	Trang web của EU	http://ec.europa.eu/internal_market/accounting/ias_en.htm
2	Trang web của Hiệp Hội kế toán Mỹ	https://commons.aaahq.org/signin
3	Trang web của công ty kiểm toán Deloitte	www.deloitte.com/us/ifrs/consortium ; www.IASPlus.com
4	Trang web của công ty kiểm toán KPMG	http://home.kpmg.com/xx/en/home/services/audit/international-financial-reporting-standards.html
5	Trang web của công ty Ernst & Young	http://www.ey.com/gl/en/issues/ifrs/issues_gl_ifrs_nav_publications

(Nguyễn Thị Thu Hiền, Phạm Tú Anh, Trần Thị Quỳnh Hương, 2017)

Thứ ba về đội ngũ giảng viên (GV):

Nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tế việc đầu tiên là các GV phải tự tìm tòi nghiên cứu và học hỏi. Bên cạnh đó, các trường cũng cần tạo các mối quan hệ tốt với các doanh nghiệp, các tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước nhằm tăng cường tổ chức các buổi giao lưu, tọa đàm, các hội thảo trong nước và quốc tế về lĩnh vực kế toán tài chính. Qua các buổi tọa đàm, hội thảo đó sẽ giúp các GV tích lũy

thêm nhiều kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và nâng cao trình độ ngoại ngữ. Đặc biệt là liên quan đến vấn đề hội tụ VAS với IFRS, GV ở các trường đại học địa phương cần thiết được tổ chức tập huấn, trao đổi với các chuyên gia là các GV ở các trường ĐH đầu ngành, hoặc các kế toán, kiểm toán viên tại các công ty lớn, các tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước để có định hướng rõ hơn trong việc đưa nội dung này vào giảng dạy theo lộ trình phù hợp. Ngoài ra, các

trường nên hạn chế mời GV thỉnh giảng vì phải phụ thuộc lịch của GV thỉnh giảng, phải dạy cuốn chiếu gấp rút hoặc đảo lộn trật tự môn học không theo thứ tự trước sau như CTĐT, làm ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo. Để đảm bảo có một đội ngũ GV đủ về số lượng và đạt về chất lượng, các trường nên có chính sách đãi ngộ tốt để giữ được các GV có tâm niên và thu hút giảng viên có trình độ và kinh nghiệm thực tế về giảng dạy.

Thứ tư về phương pháp giảng dạy

Mặc dù có rất nhiều phương pháp giảng dạy được áp dụng trong thực tế, nhưng hầu hết các nghiên cứu trên thế giới đều cho rằng phương pháp sử dụng tình huống thực tế là tốt hơn hết, điển hình như nghiên cứu của: Carslaw & Purvis (2007); Henry, Lin & Yang (2007); James (2011)... (Nguyễn Thị Thu Hiền, Phạm Tú Anh & Trần Thị Quỳnh Hương, 2017). Bên cạnh đó trong một cuộc khảo sát thực tế của Công ty kiểm toán KPMG và Hội đồng giáo dục của Hiệp hội Kế toán Mỹ đã chỉ ra rằng có 76% những người tham gia trả lời câu hỏi ủng hộ việc sử dụng bài tập tình huống là nguồn tài liệu cần thiết cho việc giảng dạy IFRS (Munter & Reckers, 2009).

Theo đó, để chuẩn bị cho việc đào tạo ra các kế toán, kiểm toán viên có khả năng áp dụng IFRS trong thực tế thì việc các cơ sở đào tạo cần thay đổi phương pháp dạy từ truyền thống sang phương pháp dạy tích cực là rất cần thiết. Phương pháp dạy tích cực trong đó người dạy chỉ là người hướng dẫn, cố vấn còn người học đóng vai trò chủ đạo tự tìm tòi, nghiên cứu là chính. Cụ thể kiến thức sẵn có trong giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy GV có thể hướng dẫn dưới dạng các câu hỏi, hoặc sơ đồ tư duy, tóm tắt nội dung chính cần nắm để sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu. Như vậy thời gian trên lớp chủ yếu GV nên hướng dẫn sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết đã tự chuẩn bị để vận dụng giải quyết bài tập thực hành, đặc biệt đưa thêm các tình huống thực tế để sinh viên thảo luận, trình bày, nhằm tăng khả năng tư duy và rèn luyện các kỹ năng mềm cho sinh viên như thuyết trình, làm việc nhóm... Muốn vậy, trong việc sắp

xếp lớp học các trường cần cho sinh viên đăng ký khoảng 20 - 30 sinh viên/ nhóm. Có như thế, việc thực hiện các tình huống thực tế, các bài tập nhóm mới được hầu hết các sinh viên được tham gia trình bày, và giảng viên cũng có thể kiểm soát lớp/nhóm học được tốt hơn. Bên cạnh đó, nên phân loại theo học lực sinh viên nhóm khá giỏi riêng, nhóm yếu và trung bình riêng, thì việc GV lựa chọn phương pháp dạy cho từng nhóm đối tượng sẽ thuận lợi hơn. Đặc biệt, trong việc dạy nội dung các môn chuyên ngành kế toán tài chính, các GV nên chú trọng giảng dạy kế toán theo phương pháp dựa trên các nguyên tắc, tăng khả năng phán xét, suy luận bản chất vấn đề, chú trọng các khái niệm cơ bản thay vì các quy định cụ thể. Có như vậy sinh viên mới dần thích nghi với quy định mới của kế toán khi mà VAS hội tụ với IFRS.

Thứ năm về phương pháp đánh giá sinh viên:

Do phương pháp giảng dạy nên thay đổi theo hướng tích cực lấy người học làm trung tâm, vì vậy phương pháp đánh giá sinh viên cũng không thể không thay đổi. Theo đó, nội dung các bài kiểm tra, thi nên giảm kiến thức dạng vận dụng lý thuyết và tăng kiến thức dạng tư duy, suy luận. Ngoài ra cũng cần cân đối lại số bài kiểm tra đánh giá được sử dụng tài liệu và không sử dụng tài liệu làm sao để đảm bảo vừa đánh giá được khả năng ghi nhớ, vận dụng kiến thức đồng thời đánh giá được khả năng tư duy, sáng tạo của sinh viên, nhất là có thể đánh giá khả năng tìm kiếm, chọn lọc và xử lý thông tin của sinh viên trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay. Riêng các môn Kế toán tài chính trong các bài kiểm tra và thi nên thay đổi theo hướng tăng hàm lượng kiến thức dạng suy luận bản chất vấn đề và xét đoán nghề nghiệp và giảm các câu hỏi định khoản kế toán. Đặc biệt, các trường nên xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho các môn học, bộ phận chọn đề thi độc lập với giảng viên trực tiếp giảng dạy để hạn chế “dạy tử, học tử”. Trong việc giám sát sinh viên kiểm tra, thi cử, các trường nên cân nhắc giữa việc lắp đặt camera với việc bố trí nhiều nhân sự tham gia để đạt hiệu quả cao nhất.

4. KẾT LUẬN

Đề án áp dụng IFRS vào Việt Nam có diễn ra đúng như lộ trình mà Bộ Tài Chính đề vạch ra hay không phụ thuộc một phần không nhỏ vào công tác đào tạo tại các Trường Đại học ở Việt Nam trong thời gian tới. Như tác giả đã trình bày ở phần đặt vấn đề, VAS mới sẽ được bắt đầu có hiệu lực từ 2022, thời gian là rất cận kề và gấp rút. Do đó, các cơ sở đào tạo mà chủ yếu là các trường đại học nơi đào tạo ra các kế toán viên cần nhanh chóng nghiên cứu, triển khai và đưa nội dung IFRS vào giảng dạy càng sớm càng tốt. Tuy nhiên đưa những nội dung nào, mức độ bao nhiêu, tiếp cận như thế nào thì mỗi trường cần nghiên cứu thiết kế để phù hợp nhất với điều kiện hoàn cảnh riêng của mình. Đặc biệt, các trường cần đánh giá lại các vấn đề liên quan đến công tác đào tạo kế toán như: CTĐT, đề cương chi tiết, đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy, đánh giá, giáo trình tài liệu... để khắc phục những mặt hạn chế; từ đó góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo ngành Kế toán để có thể đáp ứng nhu cầu hội nhập.

Tính mới của nghiên cứu là trình bày một cách có hệ thống thực trạng và giải pháp tháo gỡ khó khăn trong công tác đào tạo kế toán ở các trường đại học tại Việt Nam theo các nhóm yếu tố quan trọng. Trong khi hầu hết các nghiên cứu tương tự trước đây chỉ trình bày chung, chưa có sự phân loại này, hoặc nếu có cũng chưa đầy đủ các nhóm yếu tố này. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài vừa cung cấp cơ sở lý thuyết cho các nghiên cứu tiếp theo nghiên cứu về đào tạo kế toán tại Việt Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn cung cấp các giải pháp giúp cho các sinh viên, giảng viên và các nhà quản lý giáo dục trong việc nâng cao chất lượng dạy và học chuyên ngành kế toán nói riêng và trong nâng cao chất lượng đào tạo nói chung ở các trường đại học tại Việt Nam. Đặc biệt, trong giai đoạn cấp bách như hiện nay thì nghiên cứu góp thêm phần thúc đẩy tinh thần cho người học, người dạy và cả những nhà quản lý giáo dục trong việc sẵn sàng tiếp nhận thử thách là phải từng

bước đổi mới để dạy và học kế toán theo chuẩn quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài Chính. (2019). Đề án “Áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào Việt Nam”. Hà Nội: Bộ Tài Chính.
- Đào Thị Đài Trang. (2018). Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ngành kế toán trong các trường đại học ở Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập. Truy cập tại <http://kketoan.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/132/2780>
- Munter, P. & Reckers PM. (2009). IFRS and Collegiate Accounting Curricula in the United States: 2008 A Survey of the Current State of Education Conducted by KPMG and the Education Committee of the American Accounting Association. *Issues in Accounting Education*, 2, 131-139.
- Nguyễn Hữu Ánh. (Tháng 6, 2017). *Đổi mới đào tạo ngành kế toán của các trường đại học của Việt Nam đáp ứng yêu cầu xã hội trong xu thế hội nhập*. Bài viết được trình bày tại hội thảo Đổi mới phương pháp đào tạo, cập nhật giáo trình giảng dạy kế toán phù hợp với yêu cầu cải cách kế toán trong giai đoạn mới, Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Nguyễn Thị Thu Hiền., Phạm Tú Anh., & Trần Thị Quỳnh Hương. (Tháng 6, 2017). *Một số thay đổi cần thiết trong việc đào tạo kế toán tại các trường đại học Việt Nam dưới sự tác động của việc chuyển đổi sang IFRS* Bài viết được trình bày tại hội thảo Đổi mới phương pháp đào tạo, cập nhật giáo trình giảng dạy kế toán phù hợp với yêu cầu cải cách kế toán trong giai đoạn mới, Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Nguyễn Xuân Hưng. (Tháng 6, 2017). *Định hướng đào tạo kế toán tại Việt Nam trong quá trình hội nhập chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)*. Bài viết được trình bày tại Hội thảo Đổi mới phương pháp đào tạo, cập nhật giáo trình giảng dạy kế toán phù hợp với

yêu cầu cải cách kế toán trong giai đoạn mới, Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phan Thanh Hải., & Nguyễn Phi Sơn. (2016). *Đào tạo nhân lực cho ngành kiểm toán độc lập của Việt Nam trong các trường đại học – Cơ hội và thách thức khi gia nhập TPP, AEC*. Bài viết được trình bày tại Hội thảo 20 năm thành lập Hội Kế toán - Kiểm toán Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam.

Trung tâm Dự báo Nhu cầu nhân lực và Thông tin Thị trường lao động TP.HCM. (2018). *Báo cáo phân tích thị trường lao động năm 2018 dự báo nhu cầu nhân lực năm 2019 tại TP. Hồ*

Chí Minh (Số 411). Truy cập từ: <http://www.dubaonhanluchcmc.gov.vn/tin-tuc/7617.thi-truong-lao-dong-nam-2018-du-bao-nhu-cau-nhan-luc-nam-2019-tai-thanh-pho-ho-chi-minh.html>

Vụ Chế Độ Kế toán và Kiểm toán. (2017). *Phát triển và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về Chuẩn mực Báo cáo tài chính tại Việt Nam*. Bài viết được trình bày tại Hội thảo Đổi mới phương pháp đào tạo, cập nhật giáo trình giảng dạy kế toán phù hợp với yêu cầu cải cách kế toán trong giai đoạn mới, Hồ Chí Minh, Việt Nam.